

QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

KIM NGỌC *

NGÔ PHÚC HẠNH **

Tóm tắt: Hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu hiện nay. Tuy vậy, hội nhập nhưng không hòa tan, hay nói khác là hội nhập quốc tế nhưng vẫn giữ vững độc lập tự chủ trong quan hệ quốc tế đã và đang trở thành chủ đề lớn trong hoạch định chính sách đối ngoại của nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Bài viết phân tích quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới.

Từ khóa: Độc lập tự chủ; hội nhập quốc tế; Việt Nam.

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế được thể hiện rõ qua các Văn kiện đại hội Đảng:

Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) với chủ trương thực hiện đường lối đổi mới đã mở đường cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đại hội đã nhận định, "Cách mạng khoa học - kỹ thuật là đặc điểm nổi bật của thời đại", có vai trò ngày càng quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế, xây dựng đất nước trong cục diện mới của thế giới, và khẳng định, nếu "đóng cửa hay khép kín nền kinh tế nội địa sẽ là nguy cơ tụt hậu". Từ đó, Đại hội chủ trương "tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới hợp

tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật", tham gia rộng rãi vào sự phân công hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời mở rộng quan hệ với các nước trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi.

Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (5/1988) Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới khẳng định lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố, giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng, phát triển kinh tế; và coi "sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế" là một nhân tố góp phần giữ vững độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(**) Tiến sĩ, Trường Đại học Phương Đông.

Đại hội Đảng lần thứ VII (6/1991) đánh dấu bước phát triển mới trong đường lối đối ngoại của Đảng, đề ra chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, theo phương châm “thêm bạn bớt thù” với tuyên bố: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Hội nhập đã trở thành một nội dung quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn mới. Cụ thể hóa đường lối đề ra trong Đại hội VII, Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VII đề ra 4 phương châm: (1) bảo đảm lợi ích dân tộc trong đó kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; (2) giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; (3) nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ hợp tác quốc tế; (4) ưu tiên hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước.

Tại *Đại hội Đảng lần thứ VIII* (6/1996), khái niệm “hội nhập” được chính thức đề cập cùng với chủ trương: “xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hợp tác nhiều mặt song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực. Tăng cường hoạt động ở Liên hợp quốc, trong Cộng đồng các nước sử dụng tiếng Pháp, các tổ chức tài chính tiền tệ quốc

tế và các tổ chức quốc tế khác”.

Đại hội Đảng lần thứ IX (4/2001) đã chỉ rõ mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Đại hội IX nhấn mạnh: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh. Đại hội đề ra nhiệm vụ: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Lần đầu tiên Đảng ta đã làm rõ thuật ngữ nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa; quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ với các nước nhưng không để nền kinh tế Việt Nam bị lệ thuộc và bị sự chi phối của bên ngoài.

Với tư tưởng đó, Đảng ta đã nâng lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa

độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế lên một tầm cao mới, soi sáng cho việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại trong thời kỳ mới.

Đại hội Đảng lần thứ X (4/2006) tiếp tục khẳng định "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế", đồng thời "mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác", nhấn mạnh chủ động và tích cực hội nhập kinh tế, còn đối với các lĩnh vực khác chỉ mới chủ trương mở rộng hợp tác.

Đại hội Đảng lần thứ XI (1/2011) chỉ rõ: Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển, hòa bình, hợp tác và phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Tiếp tục đưa các quan hệ quốc tế của đất nước đi vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, phát huy tối đa nội lực và bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) đã xác

định: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Nghị quyết 22 NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế ngày 10 tháng 4 năm 2013 đã chỉ rõ: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; hội nhập quốc tế phải nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

2. Độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế từ thực tiễn đổi mới

2.1. Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã

nhận thức đúng và giải quyết thành công mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế với việc đổi mới mạnh mẽ tư duy đối ngoại, nhất là về mối quan hệ giữa hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế, giữa lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Thực tế cho thấy, trong thời kỳ đổi mới, quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế đã được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt và thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện rõ trong việc hoạch định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ rộng mở đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, phù hợp với hoàn cảnh và xu thế quốc tế; thể hiện trong việc tập trung xây dựng thực lực mọi mặt “thế” và “lực” của đất nước tạo nền tảng cho quá trình hội nhập quốc tế hiệu quả, bền vững.

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi độc lập tự chủ gắn liền với mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là tư duy chính trị, triết lý hành động sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định và thực hiện bước đi đúng đắn phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam trong hội nhập quốc tế: Trước hết là thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế. Từ hội nhập về

kinh tế đến hội nhập về chính trị, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng. Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở vững chắc cho hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả và bền vững; mặt khác, hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả sẽ là một nhân tố bảo đảm cho độc lập tự chủ. Mục tiêu hội nhập quốc tế là nhằm kết hợp sức mạnh trong nước với các nguồn lực từ bên ngoài tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

2.3. Thực tiễn gần 30 năm đổi mới đã kiểm chứng tính đúng đắn và sáng tạo trong các quan điểm, chủ trương của Đảng về các vấn đề liên quan tới độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế. Quan điểm và chính sách kiên trì độc lập tự chủ của Đảng luôn được cụ thể hóa, bổ sung và phát triển thích ứng với những chuyển biến của tình hình trong nước và quốc tế. Điều đó đã góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, phục vụ thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

2.4. Trước những biến động khó lường của tình hình thế giới, Đảng ta đã nhấn mạnh trong hội nhập quốc tế, phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình, giữ vững hòa bình, và lợi ích dân tộc. Trước một thế giới đang biến đổi nhanh chóng, ngày

nay, chúng ta cần chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, học hỏi tất cả những gì cần thiết cho phát triển, nhằm hiện diện trước nhân loại, nhưng với bản sắc của chính mình.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đến nay, sau gần 30 năm đổi mới, Việt Nam đã giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

a. Từ năm 2010, Việt Nam đã nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình thấp; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Với tốc độ tăng GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái bình quân đạt 14%/năm, quy mô GDP bình quân đầu người của Việt Nam từ năm 2008 đã vượt qua mốc 1.000 USD. Năm 2013 GDP bình quân đầu người đạt 1.960 USD và nhiều khả năng hoàn thành sớm mục tiêu đạt 2.000 USD vào năm 2015 mà Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra. Nếu tính thêm yếu tố giảm giá của đồng USD, thì từ năm 2010 Việt Nam đã chuyển vị thế từ nhóm nước có thu nhập thấp sang nhóm nước có thu nhập trung bình (thấp). Bước chuyển vị thế này là rất quan trọng, khi vào năm 1988, tức là cách đây 1/4 thế kỷ, Việt Nam mới đạt 86 USD, là một trong vài chục nước có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất thế giới. GDP bình quân đầu người tăng lên, nên tổng quy mô

GDP của cả nước tính bằng USD theo tỷ giá hối đoái bình quân cũng đã đạt quy mô khá và tăng liên tục qua các năm: năm 2005 đạt 54,7 tỷ USD, năm 2006 đạt 66,3 tỷ USD, năm 2007 đạt 77,4 tỷ USD, năm 2008 đạt 97,5 tỷ USD, năm 2009 đạt 99,8 tỷ USD, năm 2010 đạt 110,7 tỷ USD, năm 2011 đạt 133,1 tỷ USD, năm 2012 đạt 155,3 tỷ USD và năm 2013 đạt 176 tỷ USD.

Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của đất nước đã được tăng lên rất nhiều, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn theo con đường xã hội chủ nghĩa.

b. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện; năng lực cạnh tranh quốc gia và của các doanh nghiệp đang dần được nâng lên. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), năng lực cạnh tranh của Việt Nam năm 2013 đã tăng 5 bậc, xếp hạng 70/148.

c. Quan hệ hợp tác kinh tế thương mại với nhiều đối tác trên thế giới, được mở rộng và tăng cường góp phần quan trọng vào việc tạo dựng và mở rộng thị trường hàng hóa, dịch vụ và đầu tư của Việt Nam, thu hút vốn đầu tư trực tiếp

nước ngoài, tranh thủ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn tài trợ quốc tế khác. Đến nay, Việt Nam có quan hệ kinh tế - thương mại với hơn 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Kim ngạch thương mại Việt Nam đã gia tăng đáng kể, từ 2 chữ số lên 3 chữ số, đạt 236 tỷ USD năm 2013, góp phần đưa cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng gia tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Việt Nam đã thu hút được hơn 230 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tổng vốn ODA cam kết cho Việt Nam giai đoạn 1993 - 2013 đạt 78 tỷ USD, trong đó 63 tỷ USD đã được ký kết và 43 tỷ USD đã được giải ngân. Bên cạnh các thị trường chủ lực là Nhật Bản, ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ, Ôxtrâyliia, hiện nay, hàng hóa Việt Nam đã vươn ra củng cố vị trí trên nhiều thị trường khác như Nga, Trung Đông, Mỹ Latinh và Châu Phi...

d. Tư duy về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có sự đổi mới mạnh mẽ. Năng lực của đội ngũ cán bộ từ Trung ương đến địa phương được nâng lên một bước; tổ chức, bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước về hội nhập quốc tế và các hoạt động đối ngoại khác được quan tâm củng cố. Đội ngũ doanh nhân nước ta đã có bước trưởng thành.

đ. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần

tạo ra thế và lực mới của đất nước. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 174 nước, trong đó bao gồm tất cả các nước lớn, là thành viên của hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế quan trọng với vị thế và vai trò ngày càng được khẳng định. Việt Nam đã thiết lập quan hệ tốt với tất cả các nước lớn, trong đó có 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (P5), các nước trong nhóm G8; gia tăng nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược với Nga, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Anh, Tây Ban Nha. Số lượng các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cũng tăng lên (91 cơ quan) với 65 đại sứ quán, 20 tổng lãnh sự quán, 4 phái đoàn thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế, 1 văn phòng kinh tế văn hóa.

Quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới ngày càng đi vào chiều sâu; hợp tác về chính trị, quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác được mở rộng. Phát triển quan hệ với các nước láng giềng; thiết lập và nâng cấp quan hệ với nhiều đối tác quan trọng. Quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với các nước tạo điều kiện cho đất nước một hệ thống các đối tác gần gũi, gắn kết, lợi ích đan xen trong mọi tầng nấc láng giềng, khu vực Đông Nam Á, Châu Á và rộng hơn ở tầm toàn cầu. Hoàn thành phân giới cắm mốc trên đất liền với Trung Quốc; tăng dày hệ

thống mốc biên giới với Lào; hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia; tham gia tích cực và có trách nhiệm tại các diễn đàn khu vực và quốc tế; đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; đóng góp quan trọng vào việc xây dựng Cộng đồng ASEAN và Hiến chương ASEAN, đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch Hội đồng liên nghị viện các nước Đông Nam Á (AIPA). Quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, đảng cánh tả, đảng cầm quyền và một số đảng khác; hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục được mở rộng. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực. Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế; đối thoại cởi mở, thẳng thắn về tự do, dân chủ, nhân quyền.

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với một số đối tác quan trọng: ký kết trên 90 Hiệp định thương mại song phương, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 Hiệp định chống đánh thuế hai lần và nhiều Hiệp định hợp tác về văn hóa song phương với các nước và các tổ chức quốc tế; quan hệ với các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, tạo điều kiện cho Việt Nam đàm phán một số hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực có

tầm cỡ, như Hiệp định Đối tác kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP); ký tắt với Liên minh Châu Âu (EU) Hiệp định khung về đối tác và hợp tác toàn diện (PCA) và đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) với EU; đàm phán trong khuôn khổ Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); đàm phán FTA với Liên minh hải quan Nga - Belarut - Kazakhstan và với Hàn Quốc. Việt Nam đã ký kết 8 hiệp định FTA và thiết lập được mạng lưới 56 đối tác FTA để tạo nền tảng quan hệ với tất cả các trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

Biện chứng của mỗi quan hệ độc lập tự chủ và hội nhập quốc ở Việt Nam hiện nay là, giữ vững độc lập tự chủ sẽ tạo vị thế và khả năng để chủ động hội nhập quốc tế; đồng thời, hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế cũng bao hàm ý nghĩa mang “thế giới đến với Việt Nam”, nhanh chóng bổ sung sức mạnh cho nội lực còn khiếm khuyết, thiếu hụt, rút ngắn con đường phát triển, giữ vững hơn nền độc lập tự chủ để bảo vệ các lợi ích chính đáng của đất nước trong bối cảnh đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế ngày càng phức tạp, đa dạng. Tuy vậy, Việt Nam chưa xây dựng được lộ trình hội nhập quốc tế nói chung, lộ trình hội nhập quốc tế cho từng lĩnh vực, từng ngành từ trung ương đến địa phương. Hội nhập kinh tế quốc tế còn một số hạn chế, yếu kém:

Thứ nhất, chủ trương của Đảng chưa

được quán triệt và thực hiện đầy đủ, chậm được cụ thể hóa và thể chế hóa. Các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân chưa nhận thức sâu sắc và chưa chủ động tận dụng các cơ hội; đồng thời, chưa thấy rõ thách thức để chủ động ứng phó; chưa lường trước các tác động tiêu cực từ bên ngoài để có những biện pháp hạn chế hữu hiệu.

Thứ hai, hội nhập kinh tế quốc tế chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển kinh tế, yêu cầu củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực khác chưa được triển khai đồng bộ, nhịp nhàng trong một chiến lược tổng thể. Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các ban, ngành còn nhiều bất cập. Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện. Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập. Hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh chưa được phát huy đầy đủ, chưa gắn kết chặt chẽ với hội nhập kinh tế quốc tế; hợp tác về văn hóa, xã hội và một số lĩnh vực khác chưa sâu rộng.

Thứ ba, năng lực cạnh tranh của Việt Nam còn yếu kém. Theo xếp hạng của

Ngân hàng Thế giới, chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam đứng thứ 75/139. Điều đó đã hạn chế nhiều đến cơ hội phát triển của Việt Nam. Tại Hội nghị của Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, ngày 31/12/2013, tại Hà Nội, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã khẳng định rằng năng lực cạnh tranh của Việt Nam “là tiền, là bạc, là cơ hội phát triển”; “Mình được đánh giá tốt thì mình ra ngoài vay vốn dễ hơn, hợp tác cũng tốt hơn. Phải làm sao để các chỉ số đánh giá được cải thiện”.

Thứ tư, qua gần 30 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam vẫn ở trình độ gia công. Cơ cấu kinh tế Việt Nam thay đổi đáng kể với đóng góp lớn của công nghiệp, nhưng cho đến nay, lợi thế của Việt Nam vẫn là lao động giá rẻ. Trong môi trường cạnh tranh ngày nay, lợi thế này đang giảm nhanh chóng. Mục tiêu đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp, song đến nay nhiều ngành trong nền kinh tế vẫn còn ở trình độ lắp ráp, gia công cho nước ngoài. Trong chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu, công nghiệp Việt Nam hiện đứng ở đáy, trong khi đó 70 - 80% giá trị sản phẩm nông nghiệp là nhập ngoại. Tăng trưởng của nền kinh tế đang lệ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài.

Thứ năm, cùng với những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, những hạn chế, yếu kém

trên đây đã dẫn đến một số hệ quả xấu cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Hội nhập quốc tế trong tình hình thế giới biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Tuy thành tựu đạt được là rất quan trọng, nhưng còn nhiều mặt yếu kém, đặc biệt là tư duy hội nhập chưa được quán triệt đầy đủ, khả năng cạnh tranh tuy có ít nhiều tiến bộ nhưng còn yếu kém.

3. Một số kiến nghị

Trong bối cảnh những biến động khó lường của thế giới hiện nay, để giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, Việt Nam cần phải:

Thứ nhất, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế trong toàn Đảng, toàn dân. Phải coi hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập kinh tế quốc tế, là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Nhân dân là chủ thể của hội nhập, người được hưởng thành quả và cũng là người chịu tác động từ hội nhập. Hội nhập kinh tế quốc tế cần gắn kết hơn nữa với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội trong nước để nâng cao hiệu quả và tăng cường sự thúc đẩy, hỗ trợ lẫn nhau vì mục tiêu phát triển chung của đất nước, nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng. Hội nhập kinh tế quốc tế cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa với hội nhập trong các lĩnh vực khác nhưng

hội nhập kinh tế quốc tế phải là trọng tâm, là nội dung chính, quan trọng nhất của tiến trình hội nhập. Hội nhập kinh tế cần đi trước một bước để tạo cơ sở, thúc đẩy hội nhập và hợp tác trong các lĩnh vực khác⁽¹⁾. Trong nhận thức và hành động cần phòng tránh hai loại quan điểm cho rằng: (1) thế giới như một phức thể thống nhất, độc lập tự chủ là bất biến, có nội dung không thay đổi, không thể tương dung với hội nhập quốc tế; (2) trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang ngày càng gia tăng, không cần và không thể duy trì, củng cố độc lập dân tộc, tự chủ, chủ quyền quốc gia.

Thứ hai, trong những năm qua, mối quan hệ giữa giữ vững độc lập tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế đã được đảm bảo hài hòa, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước. Trong những năm tới, một mặt, cần tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được; mặt khác, cần nắm bắt kịp thời, sâu sắc những thay đổi về kết cấu độc lập tự chủ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Để giữ vững độc lập tự chủ trong hội nhập quốc tế, Việt Nam cần chủ động, tích cực phát huy vai trò, vị thế của mình trên trường quốc tế với việc

⁽¹⁾ Phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị toàn quốc đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 08/NQ/TW và Nghị quyết 16/2007/NQ/CP, Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2012.

chủ động, tích cực tham gia trực tiếp vào các tiến trình hoạt động quốc tế trên cơ sở ký kết các hiệp định, các thỏa thuận với phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế nhằm đảm bảo cho hòa bình, ổn định và phát triển của quốc gia, khu vực và toàn cầu. Độc lập tự chủ về đối ngoại của Việt Nam hiện nay luôn nằm trong các mối tương quan chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực trên thế giới; giữa sự ổn định, phát triển hay bất ổn, khủng hoảng ở khu vực Đông Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương; giữa tương quan lực lượng các đối tác và đối tượng. Tính biện chứng của vấn đề độc lập tự chủ không chỉ bao gồm việc khắc phục sự lệ thuộc, phụ thuộc, chống áp đặt, lôi kéo, chi phối, can thiệp vào công việc nội bộ hay bị động, bất ngờ trước những diễn biến của môi trường quốc tế, sự hợp tác của đối tác hay chống đối của đối tượng mà chủ yếu còn là nêu cao và phát huy tính chủ động trong việc tham gia vào các nội dung, tiến trình hoạt động của khu vực và quốc tế. Chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế. Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh kinh tế song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc.

Thứ ba, điều kiện để bảo đảm độc lập

tự chủ trong hội nhập quốc tế hiện nay là giữ vững ổn định về chính trị, xã hội; kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; củng cố quốc phòng - an ninh vững mạnh; xây dựng nguồn nhân lực dồi dào ngoại trung thành và chuyên nghiệp; đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế; thiết lập và duy trì được trạng thái quan hệ quốc tế cân bằng với các nước lớn, các trung tâm tài chính, kinh tế lớn, các nhóm, khối nước khu vực có ảnh hưởng lớn trên thế giới.

Thứ tư, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang ngày càng gia tăng, những biến động lớn trên thế giới cả về kinh tế, chính trị sau khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới năm 2008 đã và đang tác động lớn đến các quốc gia, khu vực, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo chiến lược xu hướng thế giới, cục diện và tác động của tình hình thế giới đối với Việt Nam; trên cơ sở đó, đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết để thực hiện thắng lợi đường lối độc lập tự chủ của Đảng, không ngừng nâng cao vị thế và sức mạnh quốc gia, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới.

Thứ năm, xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ có khả năng thích ứng cao với những biến động của tình hình quốc tế và ít bị tổn thương trước những biến động đó. Thực tiễn phát triển kinh tế của các nước trên thế giới, đặc biệt là

các nước trong khu vực Châu Á đã chỉ rõ chỉ có xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ mới có độc lập chính trị và phát triển bền vững. Kinh nghiệm của Hàn Quốc từ nền kinh tế kém phát triển, lạc hậu, trở thành nền kinh tế độc lập tự chủ giàu mạnh trong 30 năm cuối thế kỷ XX là bài học quý giá về ý thức, về chiến lược và kế hoạch xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ. Trong đó, vấn đề quan trọng và cần thiết có những nhận thức và quan điểm đúng đắn về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ cả về lý luận và thực tiễn: cần phải chú ý hơn đến khả năng tự chủ về kinh tế; phát huy cao độ nội lực đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp nội lực và ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, gắn bó giữa Đảng và Nhân dân cùng sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong xã hội.

Nền kinh tế độc lập tự chủ đòi hỏi phải có cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả và đảm bảo độ an toàn cần thiết. Cơ cấu kinh tế hợp lý có khả năng đáp ứng được yêu cầu gia tăng sức cạnh tranh; thực hiện tái sản xuất mở rộng, tạo được sự phát triển nhanh, hiệu quả cao và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa và giữ được sự ổn định kinh tế - xã hội.

Phát huy nội lực kết hợp ngoại lực. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt đầu tư trực tiếp nước ngoài trong một số ngành kinh tế, nhất là những ngành kinh tế quan trọng. Tuy

vậy, để tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài, nếu không có một tỷ lệ nhất định vốn trong nước (thường được huy động từ 75 - 80% tổng nguồn tích lũy trong nước) mà chỉ dựa vào nguồn vốn bên ngoài, nhất là vốn vay, thì khó có thể có được độc lập tự chủ kinh tế và cũng không thể phát triển đất nước một cách bền vững; trong bất cứ tình huống nào nó cũng có thể cho phép duy trì được các hoạt động bình thường của xã hội và phục vụ đắc lực cho các mục tiêu an ninh, quốc phòng của đất nước;

Việt Nam cần đặc biệt quan tâm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối kinh tế vĩ mô, trong đó đảm bảo ổn định tiền tệ trở thành khâu then chốt trong điều kiện mở cửa, hội nhập về tài chính trở nên phức tạp hơn. Nhà nước phải chủ động tạo điều kiện cho thị trường hoạt động lành mạnh và điều tiết ở những khâu, những thời điểm cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển, để không xảy ra những tai biến bất thường hoặc khủng hoảng và phải xem đây là một điều kiện, một yếu tố rất quan trọng để bảo đảm phát triển bền vững và độc lập tự chủ kinh tế;

Bảo đảm độc lập tự chủ về đường lối kinh tế không có nghĩa là chủ quan, duy ý chí, mà là thuận theo xu thế phát triển chung của thế giới, tiếp thu có chọn lọc các lý thuyết, mô hình, kinh nghiệm phát triển quốc tế, không giáo điều, rập

khuôn máy móc. Chiến lược kinh tế phải được xây dựng đồng bộ với chiến lược phát triển xã hội và chiến lược hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển. Để được chấp nhận vào sân chơi quốc tế, các quốc gia phải thực hiện mở cửa các thị trường nội địa, cho phép hình thành đặc khu kinh tế - hành chính để đáp ứng đòi hỏi thu hút một khối lượng lớn vốn đầu tư. Mặt khác, các quốc gia hội nhập phải thực hiện tự do hóa nền kinh tế theo các cam kết quốc tế, tức là chuyển giao một số quyền đáng kể từ nhà nước sang thị trường. Trong điều kiện kết cấu độc lập về kinh tế thay đổi như vậy, trọng tâm của việc đảm bảo chủ quyền kinh tế là tăng cường toàn diện năng lực tự chủ kinh tế, chứ không phải là cố sức duy trì một kết cấu cố định về độc lập kinh tế. Chủ quyền về kinh tế không tránh khỏi bị thu hẹp nếu năng lực tự chủ của toàn bộ nền kinh tế không được tích cực đổi mới và nâng cao.

Để giữ vững độc lập tự chủ cần có định hướng nhất quán về chủ trương hội nhập quốc tế. Hội nhập phải quyết liệt trong cả tư duy và hành động. Trong đó, có chủ trương đối với các lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Thời gian qua, đã có những tổng kết, nghiên cứu chuyên đề về xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức... Tuy nhiên

cần có thêm những nghiên cứu bổ sung, đề ra những định hướng lớn về chủ trương đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Thứ sáu, không thể có độc lập tự chủ đích thực, tức là độc lập tự chủ phải gắn với một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của Nhân dân, nếu cô lập, tách ra khỏi tiến trình chung của nhân loại. Vì vậy, phải tăng cường sức mạnh quốc gia về mọi mặt. Tiền đề quan trọng để tăng cường sức mạnh quốc gia là đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện và đồng bộ cả về kinh tế và chính trị. Tăng cường sức mạnh quốc gia là yếu tố then chốt để giảm sự “tùy thuộc bất đối xứng” không có lợi cho Việt Nam. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia chính là sự kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh của nội lực kết hợp với sức mạnh của ngoại lực, sức mạnh tổng hợp của kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Khi giải quyết các vấn đề toàn cầu, cần phải tăng cường sức mạnh mềm của đất nước để các chính sách quốc gia có được sự ủng hộ và giúp đỡ cao của cộng đồng quốc tế. Một trong những giải pháp cấp bách để tăng cường năng lực tự chủ của toàn hệ thống chính trị trong quá trình hội nhập quốc tế là: đẩy mạnh đổi mới hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiệu lực, hiệu quả, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, năng lực quản

lý của Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về đạo đức và lối sống trong cán bộ, đảng viên. Đổi mới chính trị để thúc đẩy đổi mới kinh tế; trong đổi mới chính trị cần tập trung vào định rõ nội dung và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó phát huy sức mạnh của toàn dân tộc phấn đấu vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ bảy, giải quyết mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân tộc. Để giữ vững độc lập tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần tăng cường đa dạng hóa và mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều đối tác, thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt theo nhiều phương, nhiều tuyến, nhiều tầng; bởi vì đó là cách thức để tạo ra một dải lựa chọn, khiến cho Việt Nam không bị lệ thuộc vào bên ngoài.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế trong đổi mới là điều kiện cơ bản để Việt Nam hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh *Toàn tập* (2002), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI - XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Quốc Trụ (2010), “Thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam những năm qua và triển vọng những năm tới”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 1.
4. PGS.TS. Nguyễn Việt Thảo (2011), “Đảm bảo mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 5.
5. PGS.TS Đinh Xuân Lý (2012), “Quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập tự chủ trong đoàn kết, hợp tác quốc tế và sự vận dụng của Đảng thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 3.
6. Đại tá, TS Nguyễn Văn Quang (2012), “Độc lập tự chủ về đối ngoại của Việt Nam trong hội nhập quốc tế hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* điện tử.
7. PGS. TS. Nguyễn Hoài Văn (2013), “Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, nâng lên tầm cao mới tư tưởng độc lập tự chủ, hòa bình và hội nhập thế giới - một truyền thống lâu đời của chính trị Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* điện tử.
8. Phạm Bình Minh (2014), “Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, nguồn sức mạnh mềm của Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 855.
9. Đỗ Sơn Hải (2014), “Hội nhập quốc tế của Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn”, *Tạp chí Cộng sản*, số 855.
10. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên) (2003), *Một số xu hướng phát triển hiện nay của nền kinh tế thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

